

Bản án số: 12/2023/HS-PT
Ngày: 17/02/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Trâm

- *Các thẩm phán:* Bà Lê Thúy Phượng

Ông Nguyễn Hồng Tuấn

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Cúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 207/2022/HSPT ngày 13 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Võ Văn T (T Mặt Quỷ) sinh ngày 06 tháng 01 năm 1978 tại thành phố N, tỉnh K; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 41 S, phường V, thành phố N, tỉnh K chỗ ở hiện nay: Số nhà 7, Ô 7, thôn Đ, xã V, thành phố N, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; con ông Võ D (sinh năm 1953) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1969); có vợ là Huỳnh Thanh T (sinh năm 1991) và có 01 con sinh năm 2021; tiền án: tại bản án hình sự phúc thẩm số 197/HSPT ngày 18/8/1999, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã xử phạt Võ Văn T 09 (chín) tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản của công dân*”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/9/1999 (chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm); tại bản án hình sự phúc thẩm số 73/HSPT ngày 10/7/2001, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã xử phạt Võ Văn T 03 (ba) năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/5/2003 (chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm); tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/HSST ngày 16/02/2004, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã xử phạt Võ Văn T 05 (năm) năm tù về các tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; chấp

hành xong hình phạt tù ngày 25/6/2008 (chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm); tại bản án hình sự sơ thẩm số 194/2010/HS-ST ngày 24/8/2010, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã xử phạt Võ Văn T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/02/2018 (đã đóng án phí hình sự sơ thẩm; chưa thi hành 5.000.000 đồng tiền phạt sung công); tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn C (C Polo) sinh ngày 19 tháng 5 năm 1978 tại thành phố N, tỉnh K; nơi cư trú: Số 40 Tôn Thất T, phường V, thành phố N, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Nguyễn Đ (sinh năm 1948) và bà Nguyễn Thị P (sinh năm 1952); có vợ tên Dương Thị T và có 01 con sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại bản án phúc thẩm hình sự số 604 ngày 24/8/1998, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng đã xử phạt Nguyễn C 12 (mười hai) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; tại bản án phúc thẩm hình sự số 681 ngày 25/9/1998, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng đã xử phạt Nguyễn C 09 (chín) năm tù về các tội “*Cố ý gây thương tích*” và “*Gây rối trật tự công cộng*”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/4/2013 (ngày 16/8/2010 được miễn đóng án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm); bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Đỗ Văn T sinh ngày 03 tháng 10 năm 1985 tại thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 26 Hà R, phường V, thành phố N, tỉnh K; chỗ ở hiện nay: Tổ 6 C, phường N, thành phố N, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Đỗ Văn R (sinh năm 1962) và bà Lê Thị H (sinh năm 1964); có vợ là Hà Thị Thuyền T (sinh năm 1992) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nguyễn Văn T (N Hí) sinh ngày 21 tháng 11 năm 1995 tại thành phố N tỉnh K; nơi cư trú: Tổ 1 T, phường V, thành phố N, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Nguyễn Văn L (sinh năm 1973) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1973); tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Nguyễn Minh C sinh ngày 12 tháng 8 năm 1997 tại thành phố N, tỉnh K; nơi cư trú: Tổ 1 T, phường V, thành phố N, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Nguyễn Văn L (sinh năm 1973) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1973); có vợ là Ngô Thị Thanh T (sinh năm 2000) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Lê Anh T (Tế) sinh ngày 19 tháng 8 năm 1993 tại thành phố N, tỉnh K; nơi cư trú: Số 77A Trần K, phường V, thành phố N, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm biển; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Lê Văn C (sinh năm 1972) và bà Ngô Thị L (sinh năm 1972); tiền án: không; tiền sử không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Lê Tuấn A (Tuấn) sinh ngày 26 tháng 12 năm 1994 tại thành phố N, tỉnh K; nơi cư trú: Số 77A Trần K, phường V, thành phố N, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm biển; trình độ văn hóa: 3/12; con ông Lê Văn V (sinh năm 1968) và bà Phạm Thị Thanh H (sinh năm 1972); tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Phan Việt Đ sinh ngày 30 tháng 9 năm 1995 tại thành phố N, tỉnh K; nơi cư trú: Tổ 3 Trường H, phường V, thành phố N, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Phan Thanh T (sinh năm 1966) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1970); vợ là Nguyễn Võ Xuân N và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 18/QĐ-XPHC ngày 28/7/2016 của Công an thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã xử phạt bằng hình thức phạt tiền với số tiền là 2.500.000 đồng đối với Phan Việt Đ về hành vi xâm hại sức khỏe người khác; chấp hành xong hình phạt ngày 29/7/2016; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Tuấn A và Lê Anh T: Ông Đoàn Trung D, Luật sư Công ty Luật TNHH LTD thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. có mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Doanh nghiệp tư nhân C; địa chỉ trụ sở: Số 18 T, phường L, thành phố N, tỉnh K; Chủ doanh nghiệp: Ông Trần Quốc T, sinh ngày 04/7/1960; đại diện

theo ủy quyền: Ông Đặng Văn T sinh ngày 06/3/1966; nơi cư trú: Số 9/12C H, phường P, thành phố N, tỉnh K (theo Giấy ủy quyền ngày 01/01/2019); vắng mặt.

2. Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 72B Trần K, phường V, thành phố N, tỉnh K; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 24/12/2018, tại vũ trường Y (Địa chỉ: đường T, thành phố N, tỉnh K), có hai nhóm kháchs đến chơi. Nhóm của Võ Văn T gồm Võ Văn T, Nguyễn C, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh C và một số người khác. Nhóm của Nguyễn Đức T gồm T, Lê Tuấn A, Lê Anh T, Phan Việt Đ. Trong lúc chơi Nguyễn Đức T có nhảy đụng trúng một người trong bàn của Tùng, Tùng đến nói chuyện với T; T và T xảy ra mâu thuẫn, T nói “Mày muốn gì”, Trọng trả lời “Muốn gì cũng được”. Lúc này, Võ Văn T dùng tay chân đánh Nguyễn Đức T; Nguyễn C, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn T cùng xông vào đánh T. Nguyễn C dùng tay đánh vào mặt T, xô ngã Trọng làm ngã bàn ghế trong vũ trường, dùng chân đá vào người T. Đỗ Văn T đánh T bằng tay. Nguyễn Văn T dùng tay đánh một cái vào lưng T, sau đó cầm ly thủy tinh rượt đánh T nhưng không kịp. Võ Văn T tiếp tục dùng một cái bàn đứng đánh T nhưng không trúng, T bỏ chạy. Trong lúc này, Nguyễn Minh C cầm 01 ly thủy tinh ném về phía bàn của T. Thấy Nguyễn Đức T bị đánh, Lê Anh T, Phan Việt Đ ném ly thủy tinh vào nhóm của Võ Văn T, mục đích muốn giải vây cho T. Lê Tuấn A đẩy một cái bàn về phía nhóm của T để giải vây cho T, sau đó hai lần nhặt ly thủy tinh ném về phía nhóm của T. Hậu quả hai nhóm đánh nhau, ném ly làm mọi người trong vũ trường hoảng sợ, bỏ chạy xô ngã bàn ghế, chén đĩa, ly...gây mất an ninh trật tự trong và bên ngoài vũ trường. Nguyễn Đức T bị thương tích 06%. Vũ trường Y bị thiệt hại về tài sản.

Tại cơ quan điều tra, Võ Văn T, Nguyễn C, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh C, Lê Tuấn A, Lê Anh T, Phan Việt Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Kết luận giám định số 35/TgT ngày 30/01/2019 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Khánh Hòa kết luận thương tích của Nguyễn Đức Trọng:

- Vùng đỉnh có 01 vết sẹo dài 3,5cm, sẹo khô tốt.
- Vùng cằm có 01 vết sẹo kích thước 02 cm x 01 cm; sẹo khô tốt.

- Vùng bàn tay phải ngón 03 có 01 vết sẹo dài 01 cm và ngón 4 có 01 vết sẹo dài 1,5 cm, sẹo khô tốt. Vết thương gây đứt gân gấp nông sâu ngón 4, đã được phẫu thuật nối gân, hiện tại ổn định.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 06% (Sáu phần trăm).

Công văn số 205 ngày 10/5/2019 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Khánh Hòa trả lời: “không xác định vật gây ra”.

Công văn số 85 ngày 26/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa trả lời: “Yêu cầu định giá tài sản không thể hiện cụ thể nhãn hiệu, chủng loại, thông số kỹ thuật...của các tài sản và các tài liệu, chứng từ liên quan vì vậy không có cơ sở để định giá”.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Đức T xác nhận là đã được các bị cáo Võ Văn Tùng, Nguyễn C, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn T đã đến thăm hỏi động viên và bồi thường tiền thuốc men điều trị cho anh và anh không yêu cầu thêm khoản tiền bồi thường nào khác; nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khác vắng mặt tại phiên tòa, nên đề nghị Hội đồng xét xử tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 313/2022/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, Khánh Hòa đã quyết định.

Căn cứ điểm b, e khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Văn T,

Xử phạt Võ Văn T (T Mặt Quỷ) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn C,

Xử phạt Nguyễn C (C Polo) 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Việt Đ,

Xử phạt Phan Việt Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn T,

Xử phạt Đỗ Văn T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T,

Xử phạt Nguyễn Văn T (N Hí) 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh C

Xử phạt Nguyễn Minh C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Anh T,

Xử phạt Lê Anh T (Tế) 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Tuấn A,

Xử phạt Lê Tuấn A (Tuấn) 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 10 năm 2020, Lê Tuấn A và Lê Tuấn A có đơn kháng cáo đề nghị áp dụng điểm h, i, s Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022, bị cáo Đỗ Văn T kháng cáo yêu cầu xem xét lại hành vi phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là không đúng vì bị cáo không sử dụng vũ khí, hung khí và không có hành vi đập phá phách vũ trường và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022, bị cáo Phan Việt Đ kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022, các bị cáo Lê Anh T và Lê Tuấn A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05 tháng 10 năm 2022, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh C, Võ Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10 tháng 10 năm 2022 Nguyễn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Đỗ Văn T và Phan Việt Đ thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lê Anh T và Lê Tuấn A bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ý kiến của Luật sư Đỗ Trung D bào chữa cho bị cáo Lê Anh T và Lê Tuấn A: Về tội danh và điều luật truy tố, luật sư không tranh luận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo Lê Tuấn A và Lê Anh T : Các bị cáo trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật hạn chế nên không biết hành vi của mình là gây ra hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến xã hội; Sau khi phạm tội, các bị cáo cũng đã tự nguyện đến gặp Doanh nghiệp tư nhân Chính T (chủ vũ trường Y) để yêu cầu bồi thường nhưng do người liên quan từ chối nhận bồi thường; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và chấp hành tốt các chính sách, quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Hơn nữa, xét thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó nhóm của Võ Văn T là nhóm chủ động gây hấn và nhóm của các bị cáo Lê Anh T, Lê Tuấn A, Phan Việt Đ là bị động tham gia để ngăn cản hành vi trái pháp luật của nhóm Tùng nhằm giải vây cho Nguyễn Đức Tg nên hành vi của Lê Anh T và Lê Tuấn A chỉ giữ vai trò thứ yếu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, được bổ sung bởi điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP cho các bị cáo Lê Anh T và Lê Tuấn A được hưởng án treo.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân của bị cáo, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo và xét xử các bị cáo với mức án như cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ và phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình

sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 98/2021/HSST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định nên có cơ sở để xem xét.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 24/12/2018, tại vũ trường Y (Địa chỉ: đường T, thành phố N, tỉnh K), các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn C, Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh Cường có hành vi đánh Nguyễn Đức T, xô đẩy Trọng làm ngã bàn ghế và ném ly thủy tinh. Bị cáo Đỗ Văn T có hành vi dùng tay đánh T. Các bị cáo Phan Việt Đ, Lê Anh T và Lê Tuấn A có hành vi ném ly thủy tinh làm mọi người trong vũ trường Y hoảng sợ, bỏ chạy xô ngã bàn ghế, chén đĩa, ly gây mất an ninh trật tự trong và ngoài vũ trường.

Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã xét xử các bị cáo Nguyễn C, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh C, Lê Tuấn A, Lê Anh T, Phan Việt Đ về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự và bị cáo Võ Văn T về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b,e khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân của các bị cáo, đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ. Xét thấy, bị cáo Nguyễn C có nhân thân xấu và tại cấp phúc thẩm, bị cáo không bổ sung được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đối với bị cáo Võ Văn T, tại phiên tòa phúc bị cáo có bổ sung sổ khám chữa bệnh HIV của bị cáo nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Lê Anh T, Lê Tuấn A là không có cơ sở chấp nhận. Xét thấy, các bị cáo Đỗ Văn T, Lê Anh T, Lê Tuấn A, Nguyễn Văn T, Phan Việt Đ và Nguyễn Minh C phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự nên cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn C, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn T vì có bồi thường cho Nguyễn Đức T số tiền 16 triệu đồng là không đúng vì thương tích 6% của Nguyễn Đức T không liên quan đến tội “*Gây rối trật tự công cộng*” nên cần rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Võ Văn T, Đỗ Văn T, Lê Anh T, Lê Tuấn A, Nguyễn Văn T, Phan Việt Đ và Nguyễn Minh C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn C

2/ Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Văn T, Phan Việt Đ, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh C, Lê Anh T, Lê Tuấn A và sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm b, e khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Văn T,

Xử phạt Võ Văn T (T Mặt Quỷ) **03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù** về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn C,

Xử phạt Nguyễn C (C Polo) **02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù** về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Việt Đ,

Xử phạt Phan Việt Đ **02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù** về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn T,

Xử phạt Đỗ Văn T **02 (hai) năm tù** về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T,

Xử phạt Nguyễn Văn T (N Hí) **02 (hai) năm tù** về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh C

Xử phạt Nguyễn Minh C **02 (hai) năm tù** về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Anh T,

Xử phạt Lê Anh T (Tế) **02 (hai) năm tù** về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Tuấn A,

Xử phạt Lê Tuấn A (T) **02 (hai) năm tù** về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2/ Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Bị cáo Nguyễn C phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Võ Văn T, Phan Việt Đ, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh C, Lê Anh T và Lê Tuấn A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND Tp. Nha Trang;
- Viện KSND Tp. Nha Trang;
- Công an Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- Bị cáo, lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Trâm